

Số: 67/TNS-TCKT  
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán  
ngoại trừ BCTC bán niên năm  
2022

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Công Ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2022 và chi phí khấu hao tài sản cố định trong 6 tháng đầu năm 2022:

- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 và 6 tháng năm 2022.

- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 30/06/2022: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện trả nợ đúng kế hoạch.

- Về việc ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2022: do sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm ổn định, bên cạnh tình hình thị trường thép đang diễn biến khó lường kéo dài đến cuối năm do đó TNS đã ước tính và trích chi phí khấu hao nhiều hơn 3,14 tỷ để dự phòng cho các tháng cuối năm khi sản lượng sản xuất kinh doanh ít hoặc không có nhưng vẫn giữ được kết quả kinh doanh.

- Các vấn đề khác:

Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề như:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel.

2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2022 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Các vấn đề khác nêu trên, TNS đã giải trình trong các báo cáo trước đây vì đây là các vấn đề mà kiểm toán chỉ nhắc lại.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)   
  
**Nguyễn Huy Thọ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68 /TNS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 08 năm 2022

“V/v: giải trình chênh lệch  
LNST BCTC bán niên năm  
2022 trước và sau kiểm toán từ  
5% trở lên.”

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên như sau:

- Kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 6 tháng đầu năm 2022 tăng 376 triệu dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm tương đương 5% so với trước kiểm toán.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Huy Thọ**



Số: 69 /TNS-TCKT  
“V/v: giải trình chênh lệch LNST  
trên 10% BCKQHĐKD bán niên  
2022 đã kiểm toán so với cùng kỳ”

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Công Ty CP Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên 10% Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 so với 6 tháng đầu năm 2021 là do các nguyên nhân sau:

- Thị trường thép thế giới 6 tháng đầu năm có sự biến động mạnh, khiến thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn dẫn đến sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm 2022 giảm 17% và sản lượng tiêu thụ giảm 19% so với cùng kỳ.
- Nhu cầu thị trường không mấy tích cực bên cạnh đó nguồn cung dồi dào, hàng tồn kho còn nhiều, xuất khẩu suy yếu.... dẫn đến giá thép thị trường giảm. Theo đó, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 208 tỷ tương đương giảm 30% đồng thời kéo theo lợi nhuận gộp giảm 1.9 tỷ tương đương giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2022 của TNS giảm hơn 10% so với cùng kỳ.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Huy Thọ**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(đã được soát xét)



# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Ủy viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Lê Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Nguyễn Huy Thọ	Ủy viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Bà Trần Thanh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Lại Văn Quyền	Ủy viên	Bổ nhiệm 06/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 13/04/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm 06/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Số: 090822.001/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 29 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty ghi nhận thiếu chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel. Căn cứ theo lãi suất quy định trên hợp đồng và dư nợ, số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 30/06/2022 là 49,35 tỷ VND (Trong đó số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 01/01/2022 là 48,54 tỷ VND). Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là 49,35 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là số tiền là 48,06 tỷ VND). Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) đang phản ánh thừa số tiền là 0,8 tỷ VND.



2. Công ty đang ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định trong 06 tháng đầu năm 2022 dựa theo tỷ lệ sản lượng thực tế với số tiền là 17,04 tỷ đồng. Theo ước tính của chúng tôi, chi phí khấu hao cần được xác định dựa theo phương pháp đường thẳng để nhất quán với phương pháp khấu hao các kỳ trước. Giá trị khấu hao ước tính lại là 13,9 tỷ đồng. Điều này dẫn đến trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223) đang phản ánh thừa số tiền là 3,14 tỷ đồng chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (Mã số 313) đang phản ánh thiếu số tiền là 0,31 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thiếu 2,83 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) phản ánh thừa và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) đang phản ánh thiếu cùng số tiền là 3,14 tỷ đồng.

3. Tại ngày 30/06/2022, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 210,99 tỷ VND (tại 01/01/2022 là 218,34 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 145,57 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 160,76 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,16 (tại ngày 01/01/2022 là 0,15), lỗ lũy kế là 158 tỷ (tại ngày 01/01/2022 là 165 tỷ), nợ phải trả gấp 7,37 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2022 là 9,6 lần). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

#### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>101.223.471.542</b>	<b>113.144.011.315</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.746.017.102	31.557.424.846
111	1. Tiền		4.746.017.102	24.640.233.591
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.917.191.255
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.577.307.643</b>	<b>9.007.175.517</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	30.920.781.799	2.900.249.614
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	701.454.464	3.546.343.006
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.955.071.380	2.560.582.897
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>59.405.562.868</b>	<b>71.814.908.142</b>
141	1. Hàng tồn kho		59.405.562.868	71.814.908.142
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.494.583.929</b>	<b>764.502.810</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.256.155.875	746.332.601
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.170.209	18.170.209
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	220.257.845	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>257.319.758.644</b>	<b>266.469.241.122</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>229.903.705.229</b>	<b>246.769.154.431</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	229.903.705.229	246.769.154.431
222	- Nguyên giá		543.529.900.407	543.376.691.407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(313.626.195.178)	(296.607.536.976)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.416.053.415</b>	<b>19.700.086.691</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	27.416.053.415	19.700.086.691
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>358.543.230.186</b>	<b>379.613.252.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>315.726.984.461</b>	<b>343.833.785.655</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>246.796.494.495</b>	<b>273.903.295.689</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	69.362.941.557	90.970.030.165
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.700.083	131.829.468
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.063.672.247	4.350.567.342
314	4. Phải trả người lao động		1.992.446.801	5.779.727.151
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	20.912.319.748	16.455.073.590
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	89.174.913.279	87.552.262.983
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	63.166.051.613	68.554.355.823
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>68.930.489.966</b>	<b>69.930.489.966</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	68.930.489.966	69.930.489.966
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>42.816.245.725</b>	<b>35.779.466.782</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>42.816.245.725</b>	<b>35.779.466.782</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(157.948.194.019)	(164.990.372.962)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(164.990.372.962)	(196.897.662.371)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		7.042.178.943	31.907.289.409
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>358.543.230.186</b>	<b>379.613.252.437</b>


Ngô Thị Lan Anh  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngNguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 07 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	486.649.990.494	694.777.739.133
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	45.855.552	6.631.700
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		486.604.134.942	694.771.107.433
11	4. Giá vốn hàng bán	19	466.300.111.146	672.358.817.294
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.304.023.796	22.412.290.139
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	121.615.969	436.010.791
22	7. Chi phí tài chính	21	5.915.879.618	3.584.163.027
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.342.544.245	3.526.757.202
25	8. Chi phí bán hàng	22	726.533.923	1.325.303.863
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.235.850.840	4.784.950.146
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.547.375.384	13.153.883.894
31	11. Thu nhập khác		53.159.522	-
32	12. Chi phí khác	24	732.636.349	261.700.160
40	13. Lợi nhuận khác		(679.476.827)	(261.700.160)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.867.898.557	12.892.183.734
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	825.719.614	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.042.178.943</u>	<u>12.892.183.734</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	352	645

Ngô Thị Lan Anh  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 07 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.867.898.557	12.892.183.734
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.018.658.202	20.281.665.936
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.571.993.176	(339.012.029)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(106.985.974)	(91.705.842)
06	- Chi phí lãi vay		4.342.544.245	3.526.757.202
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.694.108.206	36.269.889.001
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(25.766.739.483)	(101.014.905.264)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.409.345.274	13.484.812.994
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(22.966.231.878)	131.350.515.403
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.225.789.998)	954.123.902
14	- Tiền lãi vay đã trả		(109.236.534)	(394.098.712)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.271.587.177)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.400.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.241.531.590)	80.650.337.323
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(153.209.000)	(429.745.710)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.335.486	104.525.564
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.873.514)	(325.220.146)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(7.500.002.640)	(15.616.343.175)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.500.002.640)	(15.616.343.175)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(26.811.407.744)	64.708.774.003
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		31.557.424.846	11.394.473.714
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.746.017.102</u>	<u>76.103.247.717</u>

Ngô Thị Lan Anh  
Người lậpTrần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngNguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 07 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 90 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 88 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 30/06/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 157,9 tỷ VND, số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 210,99 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 145,57 tỷ VND. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2022 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

### 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trục sử dụng thực tế trong kỳ so với tổng bán kính trục sử dụng hiệu quả;
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trực cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.13 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 ngày 20/09/2007 (hoặc văn bản cho phép hưởng ưu đãi có liên quan), Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động tính từ năm 2009 đến năm 2020, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thời gian được miễn thuế 3 năm là năm 2013, năm 2014 và năm 2015; Thời gian được giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm từ năm 2016 đến năm 2022.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	390.754.051	476.603.890
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.355.263.051	24.163.629.701
Các khoản tương đương tiền	-	6.917.191.255
	<b>4.746.017.102</b>	<b>31.557.424.846</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Tôn Phương Nam	23.992.321.167	-	2.860.288.714	-
- Phải thu khách hàng	6.928.460.632	-	39.960.900	-
	<b>30.920.781.799</b>	<b>-</b>	<b>2.900.249.614</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>25.710.135.672</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị Quang Minh	276.000.000	-	968.340.000	-
- Công ty TNHH Sự kiện và Dịch vụ Hoàng Gia	286.560.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	138.894.464	-	2.578.003.006	-
	<b>701.454.464</b>	<b>-</b>	<b>3.546.343.006</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.650.488	-	-	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	11.163.719	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	52.486.286	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	235.170.001	-	87.218.696	-
Ký cược, ký quỹ	2.640.035.966	-	2.332.857.881	-
Phải thu khác	52.400.000	-	73.041.390	-
	<b>2.955.071.380</b>	<b>-</b>	<b>2.560.582.897</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.670.455.859	-	70.483.423.642	-
Công cụ, dụng cụ	10.170.864	-	23.188.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.724.936.145	-	1.308.296.500	-
	<b>59.405.562.868</b>	<b>-</b>	<b>71.814.908.142</b>	<b>-</b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	1.616.333.850	456.999.806
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	639.822.025	289.332.795
	<b>2.256.155.875</b>	<b>746.332.601</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	7.798.006.179	7.728.144.859
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	19.618.047.236	11.971.941.832
	<b>27.416.053.415</b>	<b>19.700.086.691</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	75.282.501.594	446.638.142.360	19.925.625.063	1.530.422.390	543.376.691.407
- Tăng khác	-	-	-	153.209.000	153.209.000
Số dư cuối kỳ	<b>75.282.501.594</b>	<b>446.638.142.360</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.683.631.390</b>	<b>543.529.900.407</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.021.437.610	252.491.779.179	19.917.140.286	1.177.179.901	296.607.536.976
- Khấu hao trong kỳ	1.319.033.122	15.639.709.028	5.727.276	54.188.776	17.018.658.202
Số dư cuối kỳ	<b>24.340.470.732</b>	<b>268.131.488.207</b>	<b>19.922.867.562</b>	<b>1.231.368.677</b>	<b>313.626.195.178</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	52.261.063.984	194.146.363.181	8.484.777	353.242.489	246.769.154.431
Tại ngày cuối kỳ	<b>50.942.030.862</b>	<b>178.506.654.153</b>	<b>2.757.501</b>	<b>452.262.713</b>	<b>229.903.705.229</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 227.449.635.711 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.032.064.004 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	40.653.673.636	40.653.673.636	42.103.673.636	42.103.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	17.135.810.339	17.135.810.339	20.235.810.339	20.235.810.339
Phải trả các đối tượng khác	11.573.457.582	11.573.457.582	28.630.546.190	28.630.546.190
	<b>69.362.941.557</b>	<b>69.362.941.557</b>	<b>90.970.030.165</b>	<b>90.970.030.165</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	40.653.673.636	40.653.673.636	42.103.673.636	42.103.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	17.135.810.339	17.135.810.339	20.235.810.339	20.235.810.339
	<b>57.789.483.975</b>	<b>57.789.483.975</b>	<b>62.339.483.975</b>	<b>62.339.483.975</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>58.174.803.352</b>	<b>58.174.803.352</b>	<b>64.339.483.975</b>	<b>64.339.483.975</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**  
KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		412.872.294		5.186.013.454		3.898.144.986		-		1.700.740.762	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		801.311.354		980.197.801		178.886.447		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.465.460.281		1.169.058.381		4.271.587.177		-		362.931.485	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		98.105.066		104.867.902		239.344.366		36.371.398		-	
Các loại thuế khác	-		-		36.989.518		41.989.518		5.000.000		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		374.129.701		8.335.704		382.465.405		-		-	
			<b>4.350.567.342</b>		<b>7.306.576.313</b>		<b>9.813.729.253</b>		<b>220.257.845</b>		<b>2.063.672.247</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	18.898.819.962	16.135.667.358
- Chi phí phải trả khác	2.013.499.786	319.406.232
	<u><b>20.912.319.748</b></u>	<u><b>16.455.073.590</b></u>
<b>b) Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan</b>	<u><b>43.825.000</b></u>	<u><b>19.331.000</b></u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)*

(\*) Tại thời điểm 30/06/2022, toàn bộ chi phí lãi vay là lãi vay phải trả Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt chưa quá hạn thanh toán. Số liệu này được xác định dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất đối với từng hợp đồng vay.

**13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	28.215.668	-
- Bảo hiểm xã hội	130.068.381	-
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (**)	16.859.678.606	17.167.060.944
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	16.304.368.034	16.804.081.880
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (**)	22.465.393.929	20.188.142.638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.859.178	106.648.038
	<u><b>89.174.913.279</b></u>	<u><b>87.552.262.983</b></u>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Lãi vay chậm trả	55.629.440.569	54.159.285.462
- Lãi chậm trả công nợ	33.284.373.760	33.284.373.760
	<u><b>88.913.814.329</b></u>	<u><b>87.443.659.222</b></u>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<u><b>55.749.767.689</b></u>	<u><b>53.472.516.398</b></u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)*

(\*\*) Tại thời điểm 30/06/2022, toàn bộ lãi vay phải trả là các khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán bắt đầu từ thời điểm 2009 đến nay. Số dư nợ gốc và lãi suất căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ và xác nhận của ngân hàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**14 . VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	68.554.355.823	68.554.355.823	-	5.388.304.210	63.166.051.613	63.166.051.613
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) (1)	68.554.355.823	68.554.355.823	-	5.388.304.210	63.166.051.613	63.166.051.613
	<b>68.554.355.823</b>	<b>68.554.355.823</b>		<b>5.388.304.210</b>	<b>63.166.051.613</b>	<b>63.166.051.613</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) (1)	68.554.355.823	68.554.355.823	-	5.388.304.210	63.166.051.613	63.166.051.613
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (2)	69.930.489.966	69.930.489.966	-	1.000.000.000	68.930.489.966	68.930.489.966
	<b>138.484.845.789</b>	<b>138.484.845.789</b>		<b>6.388.304.210</b>	<b>132.096.541.579</b>	<b>132.096.541.579</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(68.554.355.823)	(68.554.355.823)	-	(5.388.304.210)	(63.166.051.613)	(63.166.051.613)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>69.930.489.966</b>	<b>69.930.489.966</b>			<b>68.930.489.966</b>	<b>68.930.489.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 2.067.410 USD, tương đương với 48.408.405.150 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 14.757.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2022 là 68.930.489.966 đồng.

**b) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	63.166.051.613	16.859.678.606	68.554.355.823	17.167.060.944
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	22.465.393.929	-	20.188.142.638
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	16.304.368.034	-	16.804.081.880
	<b>63.166.051.613</b>	<b>55.629.440.569</b>	<b>68.554.355.823</b>	<b>54.159.285.462</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	68.930.489.966	22.465.393.929	69.930.489.966	20.188.142.638
	<u>68.930.489.966</u>	<u>22.465.393.929</u>	<u>69.930.489.966</u>	<u>20.188.142.638</u>
Mối quan hệ: (1) Cổ đông lớn				

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(196.897.662.371)	3.872.177.373
Lãi trong kỳ trước		-	12.892.183.734	12.892.183.734
Số dư cuối kỳ trước	<u>200.000.000.000</u>	<u>769.839.744</u>	<u>(184.005.478.637)</u>	<u>16.764.361.107</u>
Số dư đầu kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(164.990.372.962)	35.779.466.782
Lãi trong kỳ này		-	7.042.178.943	7.042.178.943
Giảm khác		(5.400.000)	-	(5.400.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>200.000.000.000</u>	<u>764.439.744</u>	<u>(157.948.194.019)</u>	<u>42.816.245.725</u>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25%	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00%	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00%	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000
Các cổ đông khác	43,75%	87.506.100.000	43,75%	87.506.100.000
	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
<b>d) Cổ phiếu</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	769.839.744
	<u>764.439.744</u>	<u>769.839.744</u>
<b>16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	204,62	204,62
<b>17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	402.038.468.366	618.623.992.664
Doanh thu bán phế liệu	22.218.942.463	57.029.997.361
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	62.392.579.665	19.123.749.108
	<u>486.649.990.494</u>	<u>694.777.739.133</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan ( <i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30</i> )	<u>308.890.469.985</u>	<u>44.359.264.867</u>
<b>18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	45.855.552	6.631.700
	<u>45.855.552</u>	<u>6.631.700</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	398.001.518.096	611.966.204.961
Giá vốn của phế liệu	21.455.778.878	42.717.838.401
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46.842.814.172	17.674.773.932
	<b><u>466.300.111.146</u></b>	<b><u>672.358.817.294</u></b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

<b><u>24.383.461.258</u></b>	<b><u>5.241.067.600</u></b>
------------------------------	-----------------------------

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	106.985.974	91.705.842
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.629.995	5.292.920
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	339.012.029
	<b><u>121.615.969</u></b>	<b><u>436.010.791</u></b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.342.544.245	3.526.757.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.342.197	57.405.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.571.993.176	-
	<b><u>5.915.879.618</u></b>	<b><u>3.584.163.027</u></b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.863.870	1.863.870
Chi phí nhân công	709.359.829	1.308.664.630
Chi phí khác bằng tiền	15.310.224	14.775.363
	<b><u>726.533.923</u></b>	<b><u>1.325.303.863</u></b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.488.259	56.380.711
Chi phí nhân công	1.654.210.818	2.516.863.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.555.721	78.932.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	924.372.714	952.690.945
Chi phí khác bằng tiền	2.408.223.328	1.180.082.266
	<b><u>5.235.850.840</u></b>	<b><u>4.784.950.146</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	359.446.049	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	151.000.000	124.000.000
Chi phí khác	222.190.300	137.700.160
	<b>732.636.349</b>	<b>261.700.160</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.867.898.557	12.892.183.734
Các khoản điều chỉnh tăng	389.297.582	-
- Chi phí không hợp lệ	389.297.582	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.892.183.734)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(12.892.183.734)
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.257.196.139	-
Tỷ lệ thuế TNDN được miễn giảm	50%	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>825.719.614</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	343.338.767	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.465.460.281	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.271.587.177)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>362.931.485</b>	<b>-</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.042.178.943	12.892.183.734
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.042.178.943	12.892.183.734
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>352</b>	<b>645</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	399.945.590.354	613.743.628.590
Chi phí nhân công	8.317.556.633	12.629.403.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.018.658.202	20.281.665.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.252.759.508	23.271.779.680
Chi phí khác bằng tiền	10.144.570.857	1.060.756.156
	<b>474.679.135.554</b>	<b>670.987.233.928</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.746.017.102	-	31.557.424.846	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.875.853.179	-	5.460.832.511	-
	<b>38.621.870.281</b>	<b>-</b>	<b>37.018.257.357</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	132.096.541.579	138.484.845.789
Phải trả người bán, phải trả khác	158.537.854.836	178.522.293.148
Chi phí phải trả	20.912.319.748	16.455.073.590
	<b>311.546.716.163</b>	<b>333.462.212.527</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.746.017.102	-	-	4.746.017.102
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.875.853.179	-	-	33.875.853.179
	<b><u>38.621.870.281</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>38.621.870.281</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.557.424.846	-	-	31.557.424.846
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.460.832.511	-	-	5.460.832.511
	<b><u>37.018.257.357</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>37.018.257.357</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Vay và nợ	63.166.051.613	68.930.489.966	-	132.096.541.579
Phải trả người bán, phải trả khác	158.537.854.836	-	-	158.537.854.836
Chi phí phải trả	20.912.319.748	-	-	20.912.319.748
	<b>242.616.226.197</b>	<b>68.930.489.966</b>	<b>-</b>	<b>311.546.716.163</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	68.554.355.823	69.930.489.966	-	138.484.845.789
Phải trả người bán, phải trả khác	178.522.293.148	-	-	178.522.293.148
Chi phí phải trả	16.455.073.590	-	-	16.455.073.590
	<b>263.531.722.561</b>	<b>69.930.489.966</b>	<b>-</b>	<b>333.462.212.527</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>308.890.469.985</b>	<b>44.359.264.867</b>
Công ty Tôn Phương Nam	295.609.781.790	42.445.817.694
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.280.688.195	1.913.447.173
<b>Mua hàng</b>	<b>24.383.461.258</b>	<b>5.241.067.600</b>
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	24.383.461.258	5.241.067.600

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>25.710.135.672</b>	-
Công ty Tôn Phương Nam	23.992.321.167	-
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.717.814.505	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>58.174.803.352</b>	<b>64.339.483.975</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	40.653.673.636	43.003.673.636
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	17.521.129.716	21.335.810.339
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>43.825.000</b>	<b>19.331.000</b>
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	43.825.000	19.331.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>55.749.767.689</b>	<b>53.472.516.398</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	33.243.309.435	30.966.058.144
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021	
Chức vụ	VND	VND	
Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.300.000	27.000.000
Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT	16.200.000	18.000.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	16.200.000	18.000.000
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	16.200.000	18.000.000
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT	250.880.941	182.768.672
Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	13.173.323	100.111.307
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên BKS	12.000.000	11.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	10.800.000	10.000.000
Ông Nguyễn Trường	Thư ký HĐQT	12.000.000	11.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán.

**Ngô Thị Lan Anh**  
Người lập

**Trần Thị Thùy Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Huy Thọ**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 07 năm 2022

